**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**TIỂU LUẬN**

**<XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ BÁN QUẦN ÁO>**

**Học phần: <COMP104403 – Nhập môn Công nghệ phần mềm>**

**Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 06 năm 2021**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**TIỂU LUẬN**

**< XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ BÁN QUẦN ÁO >**

**Học phần: <COMP104403 – Nhập môn Công nghệ phần mềm>**

Nhóm: PRINCESS  
Danh sách sinh viên thực hiện:

1/ Lê Võ Huỳnh Nga

2/ Phạm Thảo Huyền

Giảng viên hướng dẫn: TS. Đặng Sơn Hải

**Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 06 năm 2021**

MỤC LỤC

[MỞ ĐẦU 7](#_Toc106741327)

[CHƯƠNG 1. KHẢO SÁT BÀI TOÁN 9](#_Toc106741328)

[1.1 Mô tả yêu cầu bài toán 9](#_Toc106741329)

[1.2 Khảo sát hiện trạng 9](#_Toc106741330)

[1.3 Xác định thông tin cơ bản cho nghiệp vụ của bài toán 10](#_Toc106741331)

[1.3.1 Xác định yêu cầu: 10](#_Toc106741332)

[1.3.2 Phân tích yêu cầu 10](#_Toc106741333)

[1.4 Xây dựng biểu đồ phân cấp chức năng 11](#_Toc106741334)

[1.5 Xây dựng kế hoạch dự án 12](#_Toc106741335)

[CHƯƠNG 2. ĐẶC TẢ YÊU CẦU BÀI TOÁN 13](#_Toc106741336)

[2.1 Các tác nhân và các Use case cần thiết cho hệ thống 13](#_Toc106741337)

[2.1.1 Xác định các Actor 13](#_Toc106741338)

[2.1.2 Xác định Use Case 13](#_Toc106741339)

[2.2 Biểu đồ Use Case tổng quan 14](#_Toc106741340)

[CHƯƠNG 3. PHÂN TÍCH YÊU CẦU 15](#_Toc106741341)

[3.1 Xây dựng mô hình quan niệm dữ liệu cho toàn hệ thống 15](#_Toc106741342)

[3.2 Mô hình thực thể quan hệ 15](#_Toc106741343)

[3.3 Mô tả đầy đủ các thuộc tính của các bảng trong mô hình PDM 16](#_Toc106741344)

[CHƯƠNG 4. THIẾT KẾ GIAO DIỆN 22](#_Toc106741345)

[4.1 Thiết kế giao diện 22](#_Toc106741346)

[4.1.1 Trang chủ 22](#_Toc106741347)

[4.1.2 Giỏ hàng 22](#_Toc106741348)

[4.2 Sơ đồ giao diện 24](#_Toc106741349)

[4.3 Code minh họa 24](#_Toc106741350)

[4.4 Link Github: 26](#_Toc106741351)

[KẾT LUẬN 27](#_Toc106741352)

[TÀI LIỆU THAM KHẢO 28](#_Toc106741353)

**PHÂN CÔNG THÀNH VIÊN TRONG NHÓM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Nội dung công việc**  **thực hiện** | **Đánh giá** |
| Lê Võ Huỳnh Nga | Chương 1, Chương 4, Code, Word, Thuyết trình, Đóng góp chỉnh sửa và hoàn thiện bài báo cáo | Hoàn thành 100% |
| Phạm Thảo Huyền | Chương 2, Chương 3, Word, PPT, Đóng góp chỉnh sửa và hoàn thiện bài báo cáo | Hoàn thành 100% |

# DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

[Bảng 1.1 Bảng kế hoạch thời gian dự án 12](#_Toc106735070)

[Bảng 3.1 Bảng LOAIHANG 16](#_Toc106735071)

[Bảng 3.2 Bảng HANGSX 16](#_Toc106735072)

[Bảng 3.3 Bảng KHO 16](#_Toc106735073)

[Bảng 3.4 Bang HANG 17](#_Toc106735074)

[Bảng 3.5 Bảng CHUCVU 17](#_Toc106735075)

[Bảng 3.6 Bảng NHANVIEN 17](#_Toc106735076)

[Bảng 3.7 Bảng NHACUNGCAP 18](#_Toc106735077)

[Bảng 3.8 Bảng KHACHHANG 18](#_Toc106735078)

[Bảng 3.9 Bảng PHIEUNHAP 18](#_Toc106735079)

[Bảng 3.10 Bảng DONG\_PHIEUNHAP 18](#_Toc106735080)

[Bảng 3.11 Bảng PHIEUXUAT 19](#_Toc106735081)

[Bảng 3.12 Bảng DONG\_PHIEUXUAT 19](#_Toc106735082)

[Bảng 3.13 Bảng PHIEUTRA 19](#_Toc106735083)

[Bảng 3.14 Bảng DONG\_PHIEUTRA 20](#_Toc106735084)

[Bảng 3.15 Bảng PHIEUNHAPLAI 20](#_Toc106735085)

[Bảng 3.16 Bảng DONG\_PHIEUNHAPLAI 20](#_Toc106735086)

[Bảng 3.17 Bảng KHACHDATHANG 20](#_Toc106735087)

[Bảng 3.18 Bảng DONG\_KHACHHANG 21](#_Toc106735088)

[Bảng 3.19 Bảng PHIEUTHUNO 21](#_Toc106735089)

**DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ**

[Hình 1.1 Khảo sát mức độ yêu thích giữa mua sắm trực tuyến và trực tiếp 9](#_Toc106735041)

[Hình 1.2 Biểu đồ phân cấp chức năng BFD 11](#_Toc106735042)

[Hình 2.1 Use Case tổng quan 14](#_Toc106735043)

[Hình 3.1 Mô hình quan niệm dữ liệu cho toàn hệ thống 15](#_Toc106735044)

[Hình 3.2 Mô hình thực thể quan hệ 15](#_Toc106735045)

[Hình 4.1 Trang chủ 22](#_Toc106735046)

[Hình 4.2 Thông báo thêm giỏ hàng thành công 22](#_Toc106735047)

[Hình 4.3 Giao diện giỏ hàng 23](#_Toc106735048)

[Hình 4.4 Sơ đồ giao diện 24](#_Toc106735049)

[Hình 4.5 Xử lý giỏ hàng 1 24](#_Toc106735050)

[Hình 4.6 Xử lý giỏ hàng 2 25](#_Toc106735051)

[Hình 4.7 Xử lý giỏ hàng 3 25](#_Toc106735052)

# MỞ ĐẦU

1. **Lý do chọn đề tài**

Ngày nay, ứng dụng công nghệ thông tin được xem là một trong những yếu tố mang tính quyết định trong các hoạt động của các chính phủ, tổ chức, cũng như của các công ty, nó đóng vai trò hết sức quan trọng, có thể tạo ra những bước đột phá mạnh mẽ.

Cùng với sự phát triển không ngừng về kỹ thuật máy tính và mạng điện tử, công nghệ thông tin cũng được những công nghệ có đẳng cấp cao và lần lượt chinh phục hết đỉnh cao này đến đỉnh cao khác. Mạng Internet là một trong những sản phẩm có giá trị hết sức to lớn và ngày càng trở nên như một công cụ không thể thiếu, là nền tảng chính cho sự truyền tải, trao đổi thông tin trên toàn cầu.

Giờ đây, nhờ sự trở giúp của công nghệ thông tin, mọi việc đều trở nên thật dễ dàn: chỉ cần có một chiếc máy tính kết nối internet và một dòng dữ liệu truy tìm thì gần như lập tức… cả thế giới về vấn đề bạn quan tâm sẽ hiện ra, có đầy đủ thông tin, hình ảnh và thậm chí đôi lúc có cả những âm thanh nếu bạn cần.

Bằng Internet, chúng ta đã thực hiện được nhiều công việc với tốc độ nhanh hơn và chi phí thấp hơn nhiều so với cách thức truyền thống. Chính điều này, đã thúc đẩy sự khai sinh và phát triển của thương mại điện tử và chính phủ điện tử trên khắp thế giới, làm biến đổi đáng kể bộ mặt văn hóa, nâng cao chất lượng cuộc sống con người.

Trong hoạt đông sản xuất, kinh doanh, giờ đây, thương mại điện tử đã khẳng định được vai trò xúc tiến và thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp. Thông tin về khách hàng cũng như các mặt hàng được biến đổi hàng ngày mà sổ sách không thể cập nhật chính xác ngày lập tức được. Việc này cho thấy cần xây dựng một hệ thống thông tin quản lý kinh doanh trên máy tính, đáp ứng nhanh và hiệu quả các yêu cầu tra cứu tìm kiếm thống kê một cách chính xác và nhanh chóng.

Do đó, nhóm em đã thực hiện đồ án *“Xây dựng wedsite bán quần áo”*.

1. **Mục đích nghiên cứu**

* Nghiên cứu cách cài đặt và chạy thử các chương trình.
* Quản lý các thông tin khách hàng, ban quản trị, nhân viên
* Cung cấp cho khách hàng những cập nhật mới nhất về sản phẩm và giá cả.
* Đưa ra được các thống kê, báo cáo, chính xác về số lượng sản phẩm và khách hàng

1. **Nhiệm vụ nghiên cứu**

* Tìm hiểu quy trình quản lý bán hàng thông qua thực tế khảo sát
* Tìm hiểu các công cụ xây dựng hệ thống như: Visual Studio
* Demo hệ thống trên máy cục bộ.

1. **Phương pháp nghiên cứu**

* Khảo sát thực trạng
* Thu thập các yêu cầu từ phía người dùng.
* Phân tích thiết kế hệ thống theo yêu cầu của người dùng.
* Nghiên cứu các công cụ xây dựng hệ thống.

1. **Kết cấu của đề tài**

Nội dung bài tiểu luận được xây dựng gồm các phần sau:

* **Chương 1: Khảo sát bài toán**
* **Chương 2: Đặt tả yêu cầu bài toán**
* **Chương 3: Phân tích yêu cầu**
* **Chương 4: Thiết kế giao diện**
* **Chương 5: Kết luận**

# KHẢO SÁT BÀI TOÁN

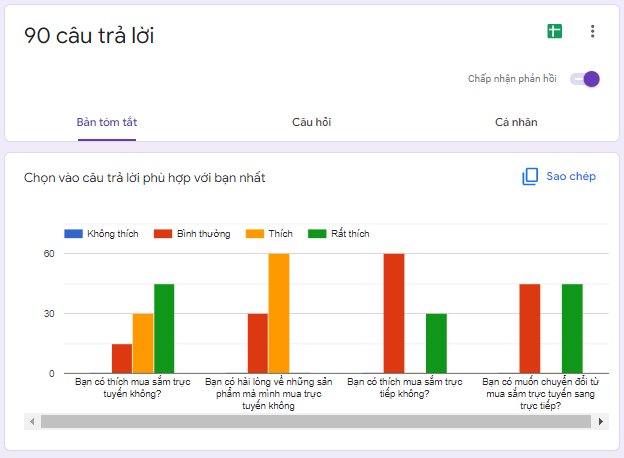
## Mô tả yêu cầu bài toán

Xây dựng một website giúp cho việc theo dõi cũng như quản lý kinh doanh của cửa hàng quần áo trở nên dễ dàng, nhanh hơn về thời gian, chính xác hơn về việc xử lý dữ liệu.

Giúp cho nhân viên làm việc có chất lượng và đạt kết quả, hiệu suất cao. Giảm bớt công việc cho nhân viên.

Tổng hợp, báo cáo thống kê được thuận tiện nhanh chóng.

## Khảo sát hiện trạng

Từ nhu cầu tiêu dùng sản phẩm, gắn với xu thế 4.0 và thương mại điện tử, nhóm chúng em tiến hành khảo sát 90 đối tượng trong độ tuổi từ 18 đến 25 và thu được kết quả đáng ghi nhận. Hình thức khảo sát thông qua Google Form. Thông số cụ thể như sau:

Hình 1.1 Khảo sát mức độ yêu thích giữa mua sắm trực tuyến và trực tiếp

Từ số liệu khảo sát, ta thấy rằng, người dùng ngày càng thấy được sự tiện lợi của việc mua hàng trên các nền tảng trực tuyến. Đặc biệt là thế hệ trẻ, đối tượng gần như tiên phong trong việc tiếp cận khoa học kĩ thuật mới, việc chuyển đổi hình thức mua hàng từ trực tiếp sang trực tuyến được xem là một bước chuyển mình quan trọng trong công cuộc hội nhập và đổi mới đất nước. Vì vậy, việc xây dựng một website bán quần áo online là hoàn toàn cần thiết trong thời đại “ngọn cờ” thương mại điện tử đang đi tiên phong hơn bao giờ hết.

## Xác định thông tin cơ bản cho nghiệp vụ của bài toán

Để “giải” được bài toán về xây dựng website quản lý bán hàng, nhóm chúng em xác định những thông tin cơ bản sau:

### Xác định yêu cầu:

- Khách hàng:

+ Tìm kiếm sản phẩm

+ Chọn lựa sản phẩm

+ Xem giá

+ Mua hàng

+ Cung cấp thông tin

+ Thanh toán sản phẩm

- Chủ cửa hàng:

+ Tùy chỉnh website

+ Thay đổi banner, slideshow hình ảnh trang web

+ Thêm xóa sửa sản phẩm

+ Cập nhật sản phẩm nổi bật, sản phẩm mới

+ Đăng thông tin về cửa hàng, thông báo…

+ Quản lý hóa đơn khách hàng

+ Xem thống kê các hóa đơn đã lập

### Phân tích yêu cầu

- Chủ cửa hàng:

+ Cung cấp sản phẩm: Cung cấp các sản phẩm quần áo theo chủng loại. Các mặt hàng được chia theo từng chủng loại khác nhau. Mỗi mặt hàng tương ứng với 1 chủng loại, nếu mặt hàng nằm ngoài những chủng loại đã có thì chủ cửa hàng có thể thêm chủng loại mới. Tạo ra sự đa dạng trong mặt hàng

+ Chỉnh sửa giao diện: Chủ cửa hàng có thể tùy chỉnh giao diện trang web, thay đổi banner, slide show hình ảnh. Thêm sản phẩm nổi bật cũng như post những bài thông báo, hướng dẫn mua hàng.

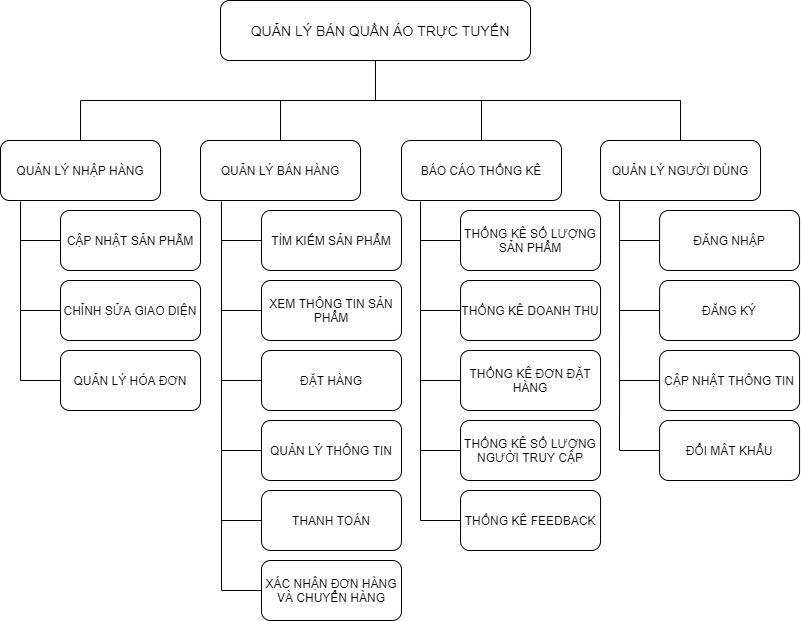
+ Quản lý hóa đơn: Xem những hóa đơn mà khách hàng đã gửi. Chỉnh sửa nếu có nhu cầu thay đổi từ khách hàng. Xóa nếu khách hàng hủy đơn hàng.

- Khách hàng:

+ Tìm kiếm, lựa chọn sản phẩm từ cửa hàng cung cấp. Để tiến hành mua hàng, khách hàng cho sản phẩm vào giỏ, chỉnh số lượng mặt hàng. Cung cấp thông tin cho cửa hàng. Sau khi gửi đơn hàng, cửa hàng sẽ gọi điện xác nhận và giao tận nhà cho khách qua hình thức COD.

+ Ngoài ra khách hàng có thể xem thông tin về cửa hàng, liên hệ đóng góp ý kiến cũng như phản hồi về các sản phẩm đã mua.

## Xây dựng biểu đồ phân cấp chức năng



Hình 1.2 Biểu đồ phân cấp chức năng BFD

## Xây dựng kế hoạch dự án

Dự án được lên ý tưởng và thực hiện trong 2 tuần. Cụ thể:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Công việc | 08/06/2022 – 12/06/2022 | 13/06/2022 – 17/06/2022 | 18/06/2022 – 21/06/2022 |
| Chọn đề tài và lên ý tưởng | x |  |  |
| Khảo sát người dùng | x |  |  |
| Xây dựng biểu đồ phân cấp chức năng | x |  |  |
| Vẽ sơ đồ Use Case | x |  |  |
| Xây dựng mô hình quan niệm dữ liệu | x |  |  |
| Thiết kế giao diện phần mềm |  | x |  |
| Xây dựng Website |  | x |  |
| Thực hiện file Word báo cáo |  |  | x |
| Thực hiện file PPT |  |  | x |
| Thực hiện Video thuyết trình |  |  | x |

Bảng 1.1 Bảng kế hoạch thời gian dự án

# ĐẶC TẢ YÊU CẦU BÀI TOÁN

## Các tác nhân và các Use case cần thiết cho hệ thống

### Xác định các Actor

– Những người muốn mua hàng vào website để xem thông tin. Những người này là **Khách hàng tiềm năng (Guest)**.

– Những người đã đặt hàng vào kiểm tra đơn hàng, thanh toán v.v… gọi là **Khách hàng (Customer)**.

Về phía đơn vị bán hàng, có những người sau đây tham gia vào hệ thống:

– **Người quản trị hệ thống**: quyết định nhập hàng, giá bán, quản lý tồn kho, doanh thu, chính sách khuyến mãi.

– **Người bán hàng**: Tư vấn cho khách hàng, theo dõi đơn hàng, thu tiền, theo dõi chuyển hàng cho khách.

Như vậy, chúng ta đã có các Actor của hệ thống gồm: Khách hàng tiềm năng, khách hàng, Người bán hàng, Người quản trị hệ thống.

### Xác định Use Case

Với Actor “**Khách hàng tiềm năng**”, ta nhận thấy họ sử dụng các chức năng:

– Xem trang chủ

– Xem các sản phẩm theo:

+ Theo chủng loại

+ Nhà sản xuất

+ Tìm kiếm theo văn bản gõ vào

– Xem chi tiết sản phẩm được chọn

– Xem khuyến mãi

– Xem so sánh

– Mua hàng

– Quản lý giỏ hàng

– Chat với người bán hàng

– Đăng ký tài khoản để trở thành khách hàng

Tiếp theo, xem xét Actor “**Khách hàng**” và nhận thấy họ sử dụng chức năng:

– Đăng nhập

– Xem đơn hàng

– Thanh toán

Tiếp theo, xem xét Actor “**Người bán hàng**” và họ có thể sử dụng các chức năng:

– Đăng nhập

– Chat với khách hàng

– Theo dõi đơn hàng

– Thu tiền

– Theo dõi chuyển hàng

Tiếp theo, xem xét Actor “**Quản trị hệ thống**” và họ có thể sử dụng các chức năng:

– Đổi mật khẩu

– Xóa

– Thêm

– Thống kê

– Sửa

– Quản lý sản phẩm

## Biểu đồ Use Case tổng quan

Diagram

Description automatically generated

Hình 2.1 Use Case tổng quan

# PHÂN TÍCH YÊU CẦU

## Xây dựng mô hình quan niệm dữ liệu cho toàn hệ thống

Diagram

Description automatically generated

Hình 3.1 Mô hình quan niệm dữ liệu cho toàn hệ thống

## Mô hình thực thể quan hệ

Diagram

Description automatically generated

Hình 3.2 Mô hình thực thể quan hệ

## Mô tả đầy đủ các thuộc tính của các bảng trong mô hình PDM

**Bảng LOAIHANG: Dùng để lưu thông tin loại hàng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Cỡ dữ liệu | Ràng buộc | Mô tả |
| MaLH | Nvarchar | 10 | Khóa chính | Mã loại hàng |
| TenLH | Nvarchar | 50 |  | Tên loại hàng |
| GhiChuLH | Nvarchar | 100 |  | Ghi chú loại hàng |

Bảng 3.1 Bảng LOAIHANG

**Bảng HANGSX: Dùng để lưu thông tin Hãng sản xuất**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Cỡ dữ liệu | Ràng buộc | Mô tả |
| MaHSX | Nvarchar | 10 | Khóa chính | Mã hãng sản xuất |
| TenHSX | Nvarchar | 30 |  | Tên hãng sản xuất |
| GhiChuHSX | Nvarchar | 100 |  | Ghi chú hãng sản xuất |

Bảng 3.2 Bảng HANGSX

**Bảng KHO: Dùng để lưu chi tiết thông tin kho hàng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Cỡ dữ liệu | Ràng buộc | Mô tả |
| MaK | Nvarchar | 10 | Khóa chính | Mã kho |
| TenK | Nvarchar | 30 |  | Tên kho |
| DiaChiK | Nvarchar | 100 |  | Địa chỉ kho |
| SđtQK | Nvarchar | 15 |  | Số điện thoại quản kho |

Bảng 3.3 Bảng KHO

**Bảng HANG: Dùng để lưu thông tin chi tiết của Hàng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Cỡ dữ liệu | Ràng buộc | Mô tả |
| MaH | Nvarchar | 15 | Khóa chính | Mã hàng |
| TenH | Nvarchar | 30 |  | Tên hàng |
| LinksAnh | Nvarchar | 100 |  | Link ảnh sản phẩm |
| NamSX | Int |  |  | Năm sản xuất |
| MaHSX | Nvarchar | 10 | Khóa ngoại | Mã hãng sản xuất |
| MaLH | Nvarchar | 10 | Khóa ngoại | Mã loại hàng |
| MaK | Nvarchar | 10 | Khóa ngoại | Mã kho |
| GhiChuH | Nvarchar | 100 |  | Ghi chú hàng |

Bảng 3.4 Bang HANG

**Bảng CHUCVU: Dùng để lưu thông tin Chức vụ của nhân viên**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Cỡ dữ liệu | Ràng buộc | Mô tả |
| MaCV | Nvarchar | 10 | Khóa chính | Mã chức vụ |
| TenCV | Nvarchar | 30 |  | Tên chức vụ |
| NhiemVu | Nvarchar | 100 |  | Nhiệm vụ |

Bảng 3.5 Bảng CHUCVU

**Bảng NHANVIEN: Dùng để lưu thông tin Nhân viên**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Cỡ dữ liệu | Ràng buộc | Mô tả |
| MaNV | Nvarchar | 10 | Khóa chính | Mã nhân viên |
| TenNV | Nvarchar | 30 |  | Tên nhân viên |
| NgaySinh | Date | 8 |  | Ngày sinh |
| DiaChiNV | Nvarchar | 100 |  | Địa chỉ nhân viên |
| SđtNV | Nvarchar | 15 |  | Số điện thoại NV |
| MaCV | nvarchar | 10 | Khóa ngoại | Mã chức vụ |

Bảng 3.6 Bảng NHANVIEN

**Bảng NHACUNGCAP: Dùng để lưu thông tin Nhà cung cấp**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Cỡ dữ liệu | Ràng buộc | Mô tả |
| MaNCC | Nvarchar | 10 | Khóa chính | Mã nhà cung cấp |
| TenNCC | Nvarchar | 30 |  | Tên nhà cung cấp |
| DiaChiNCC | Nvarchar | 50 |  | Địa chỉ nhà cung cấp |
| SđtNCC | Nvarchar | 15 |  | Số điện thoại nhà cung cấp |
| GhiChuNCC | Nvarchar | 100 |  | Ghi chú nhà cung cấp |

Bảng 3.7 Bảng NHACUNGCAP

**Bảng KHACHHANG: Dùng để lưu thông tin Khách hàng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Cỡ dữ liệu | Ràng buộc | Mô tả |
| MaKH | Nvarchar | 10 | Khóa chính | Mã khách hàng |
| TenKH | Nvarchar | 30 |  | Tên khách hàng |
| DiaChiKH | Nvarchar | 50 |  | Địa chỉ khách hàng |
| SđtKH | Nvarchar | 15 |  | Số điện thoại khách hàng |
| GioiTinh | Nvarchar | 10 |  | Giới tính |
| NguoiLienHe | Nvarchar | 30 |  | Người liên hệ |
| GhiChuKH | Nvarchar | 100 |  | Ghi chú khách hàng |

Bảng 3.8 Bảng KHACHHANG

**Bảng PHIEUNHAP: Dùng để lưu thông tin Phiếu nhập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Cỡ dữ liệu | Ràng buộc | Mô tả |
| SoPN | Nvarchar | 10 | Khóa chính | Số phiếu nhập |
| MaNCC | Nvarchar | 10 | Khóa ngoại | Mã nhà cung cấp |
| MaNV | Nvarchar | 10 | Khóa ngoại | Mã nhân viên |
| NgayN | Date | 8 |  | Ngày nhập |
| HinhThucTTN | Nvarchar | 50 |  | Hình thức thanh toán |

Bảng 3.9 Bảng PHIEUNHAP

**Bảng DONG\_PHIEUNHAP: Dùng để lưu thông tin chi tiết phiếu nhập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Cỡ dữ liệu | Ràng buộc | Mô tả |
| SoPN | Nvarchar | 10 | Khóa chính | Số phiếu nhập |
| MaH | Nvarchar | 15 | Khóa ngoại | Mã hàng |
| SoLuongN | Int |  | Khóa ngoại | Số lượng nhập |
| GiaNhap | Int |  |  | Giá nhập |
| GiaBanDK | Int |  |  | Giá bán dự kiến |

Bảng 3.10 Bảng DONG\_PHIEUNHAP

**Bảng PHIEUXUAT: Dùng để lưu thông tin Phiếu xuất**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Cỡ dữ liệu | Ràng buộc | Mô tả |
| SoPX | Nvarchar | 10 | Khóa chính | Số phiếu nhập |
| MaKH | Nvarchar | 10 | Khóa ngoại | Mã khách hàng |
| MaNV | Nvarchar | 10 | Khóa ngoại | Mã nhân viên |
| NgayX | Date | 8 |  | Ngày xuất |
| HinhThucTTX | Nvarchar | 50 |  | Hình thức thanh toán |
| HinhThucB | Nvarchar | 50 |  | Hình thức bán |

Bảng 3.11 Bảng PHIEUXUAT

**Bảng DONG\_PHIEUXUAT: Dùng để lưu thông tin Chi tiết Phiếu xuất**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Cỡ dữ liệu | Ràng buộc | Mô tả |
| SoPX | Nvarchar | 10 | Khóa chính | Số phiếu xuất |
| MaH | Nvarchar | 15 | Khóa ngoại | Mã hàng |
| SoLuongX | Int |  |  | Số lượng xuất |
| GiaXuat | Int |  |  | Giá xuất |

Bảng 3.12 Bảng DONG\_PHIEUXUAT

**Bảng PHIEUTRA: Dùng để lưu thông tin Phiếu trả**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Cỡ dữ liệu | Ràng buộc | Mô tả |
| SoPT | Nvarchar | 10 | Khóa chính | Số phiếu trả |
| MaNCC | Nvarchar | 10 | Khóa ngoại | Mã nhà cung cấp |
| MaNV | Nvarchar | 10 | Khóa ngoại | Mã nhân viên |
| NgayT | Date | 8 |  | Ngày trả |
| HinhThucTTT | Nvarchar | 50 |  | Hình thức thanh toán |

Bảng 3.13 Bảng PHIEUTRA

**Bảng DONG\_PHIEUTRA: Dùng để lưu thông tin Chi tiết Phiếu trả**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Cỡ dữ liệu | Ràng buộc | Mô tả |
| SoPT | Nvarchar | 10 | Khóa chính | Số phiếu trả |
| MaH | Nvarchar | 15 | Khóa ngoại | Mã hàng |
| SoLuongT | Int |  |  | Số lượng trả |
| GiaTra | Int |  |  | Đơn giá hàng trả |

Bảng 3.14 Bảng DONG\_PHIEUTRA

**Bảng PHIEUNHAPLAI: Dùng để lưu thông tin Phiếu nhập lại**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Cỡ dữ liệu | Ràng buộc | Mô tả |
| SoPNL | Nvarchar | 10 | Khóa chính | Số phiếu nhập lại |
| MaKH | Nvarchar | 10 | Khóa ngoại | Mã khách hàng |
| MaNV | Nvarchar | 10 | Khóa ngoại | Mã nhân viên |
| NgayNL | Date | 8 |  | Ngày nhập lại hàng |
| HinhThucTTNL | Nvarchar | 50 |  | Hình thức thanh toán |

Bảng 3.15 Bảng PHIEUNHAPLAI

**Bảng DONG\_PHIEUNHAPLAI: Dùng để lưu thông tin chi tiết Phiếu nhập lại**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Cỡ dữ liệu | Ràng buộc | Mô tả |
| SoPNL | Nvarchar | 10 | Khóa chính | Số phiếu nhập lại |
| MaH | Nvarchar | 15 | Khóa ngoại | Mã hàng |
| SoLuongNL | Int |  |  | Số lượng hàng nhập lại vào kho |
| GiaNL | Int |  |  | Giá hàng nhập lại |

Bảng 3.16 Bảng DONG\_PHIEUNHAPLAI

**Bảng KHACHDATHANG: Dùng để lưu thông tin danh sách phiếu khách hàng đặt trước hàng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Cỡ dữ liệu | Ràng buộc | Mô tả |
| SoPD | Nvarchar | 10 | Khóa chính | Số phiếu đặt |
| MaKH | Nvarchar | 10 | Khóa ngoại | Mã khách hàng |
| MaNV | Nvarchar | 10 | Khóa ngoại | Mã nhân viên |
| NgayNhan | Date | 8 |  | Ngày nhận đơn đặt |

Bảng 3.17 Bảng KHACHDATHANG

**Bảng DONG\_KHACHDATHANG: Dùng để lưu thông tin chi tiết phiếu khách hàng đặt trước hàng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Cỡ dữ liệu | Ràng buộc | Mô tả |
| SoPD | Nvarchar | 10 | Khóa chính | Số phiếu đặt |
| MaH | Nvarchar | 10 | Khóa ngoại | Mã hàng |
| SoLuongD | Int |  |  | Số lượng đặt |

Bảng 3.18 Bảng DONG\_KHACHHANG

**Bảng PHIEUTHUNO: Dùng để lưu thông tin công nợ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Cỡ dữ liệu | Ràng buộc | Mô tả |
| SoCN | Nvarchar | 10 | Khóa chính | Số công nợ |
| SoPX | Nvarchar | 10 | Khóa ngoại | Số phiếu xuất |
| NgayTN | Date | 8 |  | Ngày thu nợ |
| SoTienNo | Int |  |  | Số tiền nợ |
| SoDaTra | Int |  |  | Số tiền đã trả |
| MaNV | Nvarchar | 10 | Khóa ngoại | Mã nhân viên thu nợ |

Bảng 3.19 Bảng PHIEUTHUNO

# THIẾT KẾ GIAO DIỆN

## Thiết kế giao diện

### Trang chủ

Trang chủ cho phép người dùng tiến đến “giỏ hàng” và “thêm sản phẩm mới”.

Graphical user interface, website

Description automatically generated

Hình 4.1 Trang chủ

### Giỏ hàng

Người dùng có thể thanh toán, thêm hoặc xóa sản phẩm tại đây

A picture containing text, person

Description automatically generated

Hình 4.2 Thông báo thêm giỏ hàng thành công

Graphical user interface, application

Description automatically generated

Hình 4.3 Giao diện giỏ hàng

Trong trang Giỏ Hàng bao gồm 2 phần, phần Giỏ Hàng chứa thông tin, số lượng và đơn giá những sản phẩm mà khách hàng đã chọn. Đồng thời tính tổng số tiền hiện tại có trong giỏ hàng. Ở đây khách hàng cũng có thể tùy chỉnh số lượng sản phẩm cần mua. Chọn sản phẩm và ấn xóa để bỏ khỏi giỏ hàng.

Phần tiếp theo là thông tin khách hàng. Ở đây khách hàng phải điền đầy đủ thông tin để tiến hành đặt hàng. Form thông tin boa gồm Tên Khách Hàng, Địa Chỉ, Email và Số Điện Thoại. Nếu để trống hệ thống sẽ báo lỗi.

Nút Thanh Toán sẽ tiến hành gửi đơn hàng vòa hệ thống, nút Tiếp Tục Mua Hàng sẽ lưu lại trạng thái trang Giỏ Hàng rồi chuyển về Trang Chủ để ngưởi dùng tiếp tục chọn sản phẩm.

## Sơ đồ giao diện

A picture containing graphical user interface

Description automatically generated

Hình 4.4 Sơ đồ giao diện

*Mô tả:* Khách hàng khi đến với trang web có thể lựa chọn sản phẩm ở ngay “Trang Chủ” hoặc vào danh mục “Sản Phẩm” để tìm quần áo mình muốn mua. Sau đó tiến hành chọn “thêm sản phẩm” vào giỏ hàng, tại đây khách hàng có thể tăng số lượng sản phẩm, hoặc xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng và tiến đến quá trình “thanh toán”.

## Code minh họa

Text

Description automatically generated

Hình 4.5 Xử lý giỏ hàng 1

Text

Description automatically generated

Hình 4.6 Xử lý giỏ hàng 2

Text

Description automatically generated

Hình 4.7 Xử lý giỏ hàng 3

## Link Github:

<https://github.com/Zenobia-Le/PRINCESS.git>

# KẾT LUẬN

Trong thời đại ngày nay, Công nghệ thông tin đang được phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng và xâm nhập vào nhiều lĩnh vực khoa học, kỹ thuật cũng như trong cuộc sống. Nó trở thành công cụ đắc lực trong nhiều ngành nghề như giao thông, quân sự, y học.... và đặc biệt trong công tác quản lý nói chung và quản lý thuộc lĩnh vực thương mại điện tử nói riêng. Trước đây khi máy tính chưa được ứng dụng rộng rãi, các công việc bán hàng và quản lý bán hàng đều được làm thủ công nên rất mất thời gian và tốn kém về nhân lực cũng như tài chính. Ngày nay, sự phát triển công nghệ thông tin đã giúp cho công việc được tốt hơn.

Đề tài “Xây dựng Website quản lý bán quần áo” đã cho thấy được tầm quan trọng và những lợi ích tuyệt vời mà công nghệ mang lại. Kết hợp với những kiền thức đã được học và tìm hiểu, nhóm chúng em hy vọng đâysẽ là một bước đà quan trọng trên con đường học tập sau này của chúng em.

Do thời gian có hạn và sự hiểu biết về ngôn ngữ lập trình còn hạn chế nên chắc chắn bài làm không tránh khỏi những thiếu xót, rất mong được sự giúp đỡ và góp ý kiến của thầy. Chúng em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Một số link tham khảo:

*1.*[*https://www.youtube.com/watch?v=gL5HBA\_1bDQ&list=PLJ5qtRQovuEOoKffoCBzTfvzMTTORnoyp*](https://www.youtube.com/watch?v=gL5HBA_1bDQ&list=PLJ5qtRQovuEOoKffoCBzTfvzMTTORnoyp)

*3.*[*https://www.youtube.com/watch?v=vok14zYNs7o&list=PLRhlTlpDUWswrSLW\_wYQCotCI3vGa8Ljz*](https://www.youtube.com/watch?v=vok14zYNs7o&list=PLRhlTlpDUWswrSLW_wYQCotCI3vGa8Ljz)

*4.* [*https://www.youtube.com/watch?v=377AQ0y6LPA*](https://www.youtube.com/watch?v=377AQ0y6LPA)

*5.* [*https://www.youtube.com/watch?v=QmTuKsPmDpg*](https://www.youtube.com/watch?v=QmTuKsPmDpg)

*8.* [*https://swizec.com/blog*](https://swizec.com/blog)

*9.* [*https://www.robinwieruch.de/blog/*](https://www.robinwieruch.de/blog/)